TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2020
V/v: "Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 01/7/2020 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2020/QĐXX-DS ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-DS ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 31, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Võ Văn Minh C , sinh năm 1967. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T , thị trấn P , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 24/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà H có cho ông Võ Văn Minh C vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 25/3/2019, ông C vay 30.000.000 đồng, hẹn 30 ngày sau sẽ trả, không tính lãi suất.

Ngày 16/4/2019, ông C vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 2.400.000 đồng. Sau khi vay, ông C chỉ đóng lãi 01 tháng là 2.400.000 đồng thì ngưng.

Ngày 28/12/2019, ông C đã trả cho bà H được 3.000.000 đồng tiền vốn. Ông C viết Tờ cam kết nợ lại 57.000.000 đồng và hẹn 03 tháng sẽ trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, ông C không trả tiền cho bà H như thỏa thuận. Mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C đều tìm cách lánh mặt. Nay bà H yêu cầu ông Võ Văn Minh C có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 57.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Võ Văn Minh C vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn ông Võ Văn Minh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, đã tự từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Văn Minh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 57.000.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Võ Văn Minh C có đăng ký thường trú tại ấp T , thị trấn P , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Võ Văn Minh C đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông C đều vắng

mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C .

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Võ Văn Minh C trả cho bà H số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là Giấy mượn tiền ngày 25/3/2019 mượn 30.000.000 đồng; biên nhận ngày 16/4/2019 vay 30.000.000 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H thấy rằng, bà H cho ông Võ Văn Minh C vay 30.000.000 đồng vào 25/3/2019. Ngày 16/4/2019, ông C vay thêm 30.000.000 đồng và đóng lãi được 2.400.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 28/12/2019, ông C đã trả cho bà H 3.000.000 đồng tiền vốn và ký Tờ cam kết còn nợ bà Nguyễn Thị H 57.000.000 đồng. Như vậy, giữa bà H với ông C có xác lập hợp đồng vay tài sản, được thể hiện bằng hai biên nhận tiền (biên nhận ngày 25/3/2019 và biên nhận ngày 16/4/2019) do ông Võ Văn Minh C ký nhận. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H và ông C thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có giá trị pháp lý từ thời điểm giao kết.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Võ Văn Minh C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Tuy nhiên, ông C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 57.000.000 đồng. Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền 57.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Võ Văn Minh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 57.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Văn Minh C bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Văn Minh C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 57.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H .

1.1. Buộc ông Võ Văn Minh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Văn Minh C phải chịu 2.850.000 đồng (hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.425.000 đồng (một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009794, ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H